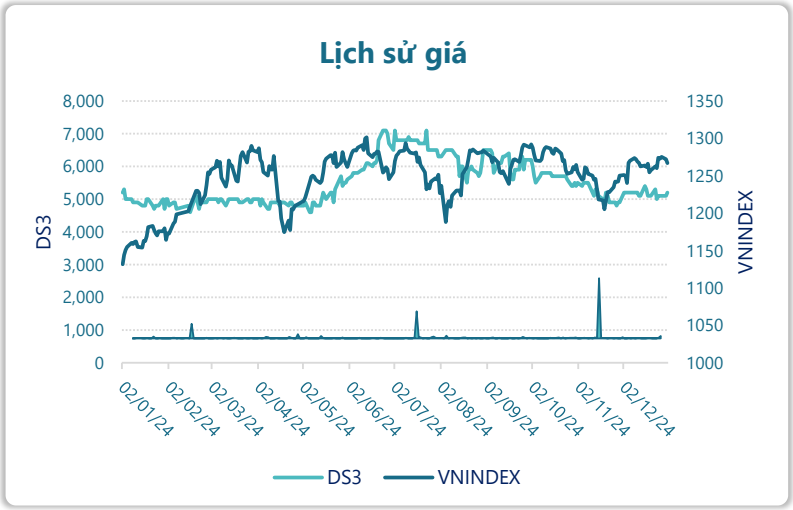
FireAnt

CTCP DS3 (HNX: DS3)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	10,669,730
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,345
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
P/E	5.7
EPS	917

DT thuần

Q4/24

30.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.1| 202%

YoY: ▼0.40| -1.3%

LN sau thuế

Q4/24

8.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.26| 1758%

YoY: ▼5.67| -39.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.4%

+/- YoY: ▲ 9.0%

DT thuần

2024

51.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.6| 72.9%

LN sau thuế

2024

9.79

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.96| 246%

ROE

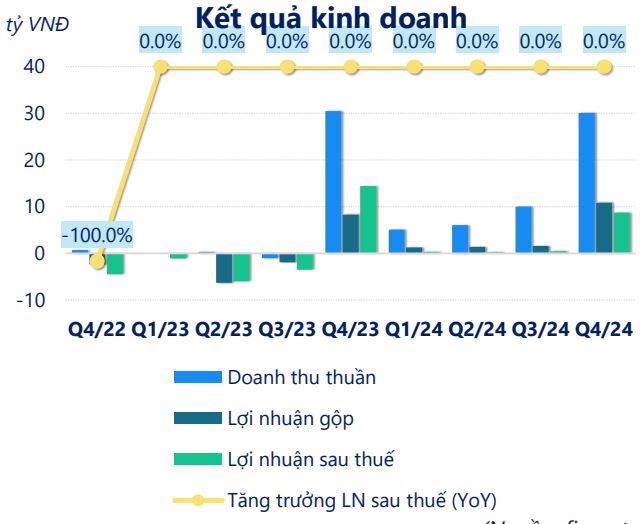
2024

11.2%

+/- YoY: ▲ 7.7%

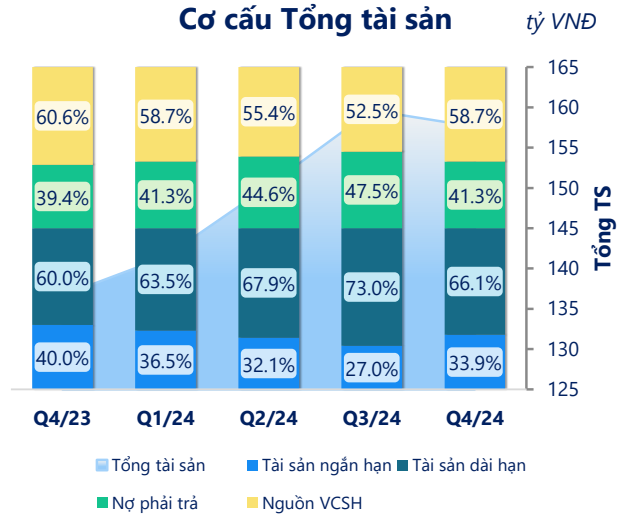
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



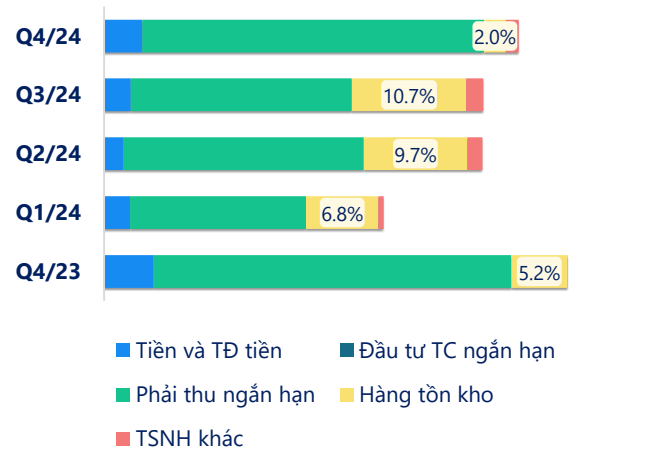
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



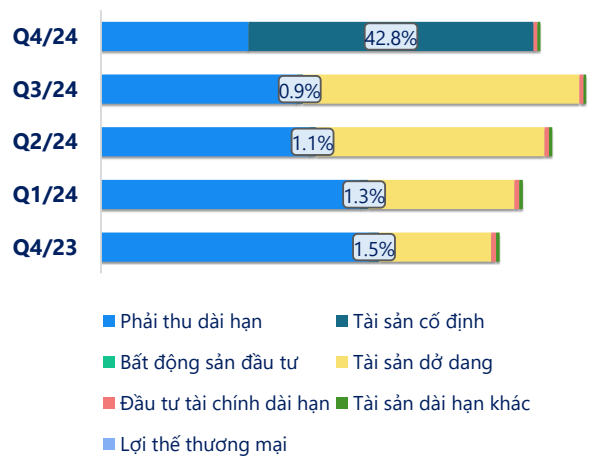
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



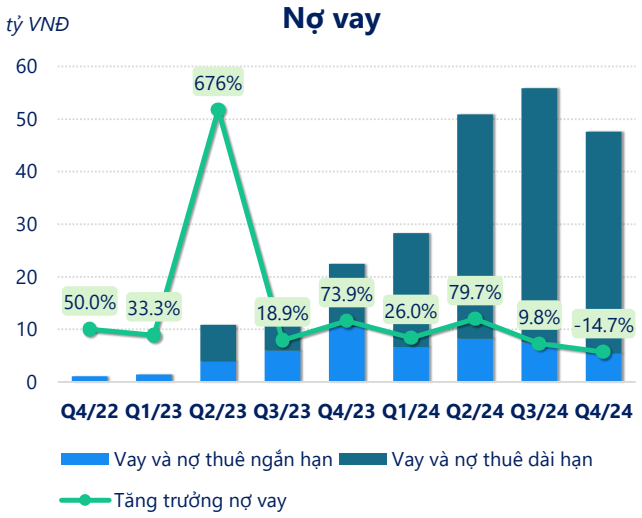
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



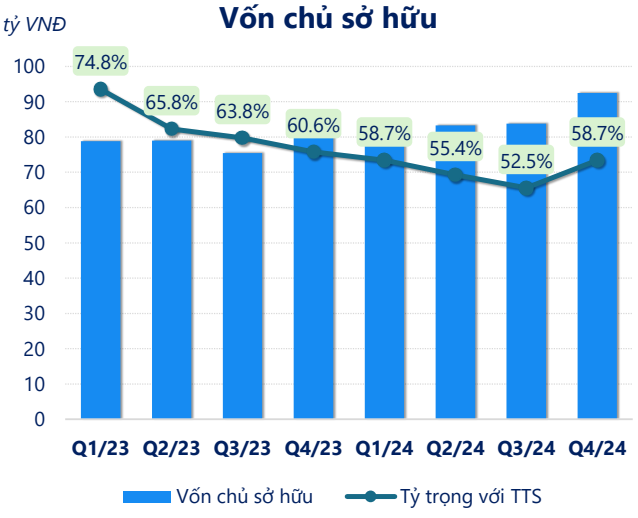
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



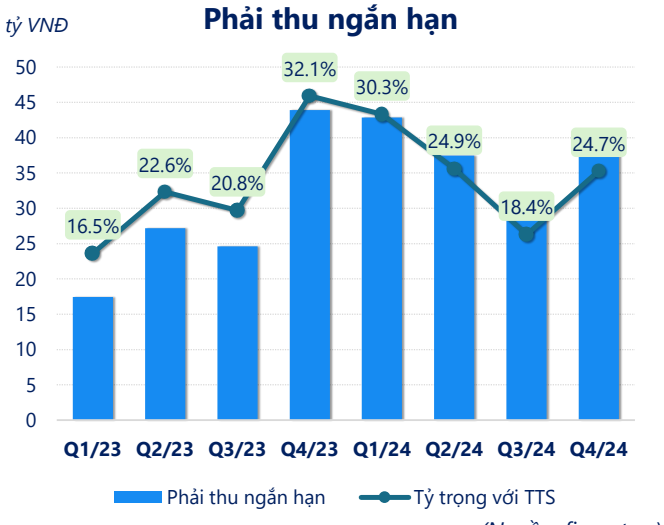
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



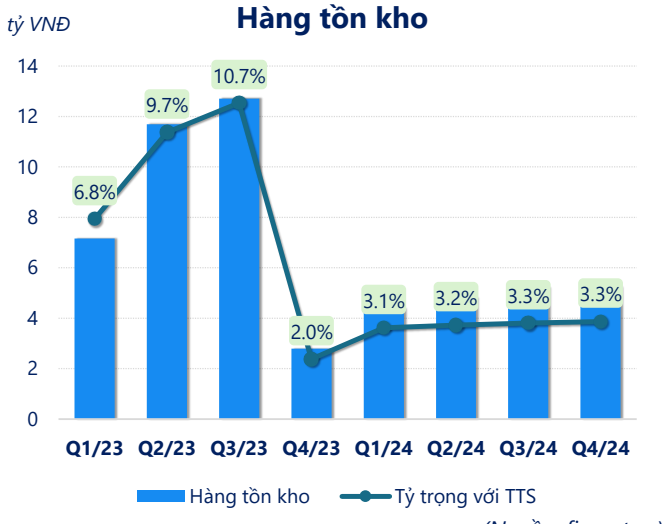
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



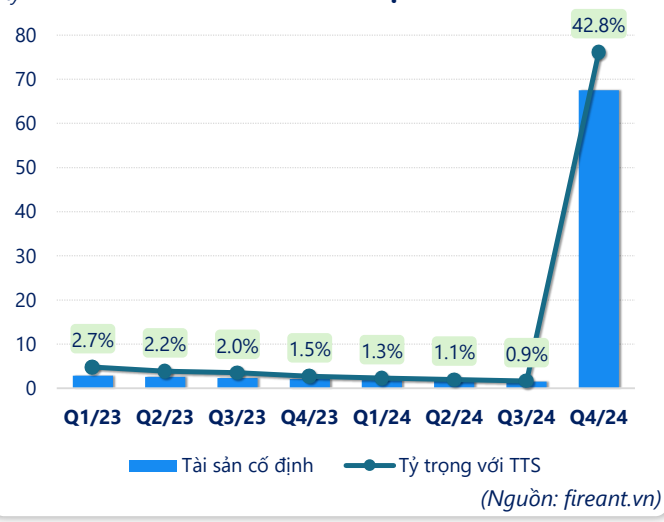
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



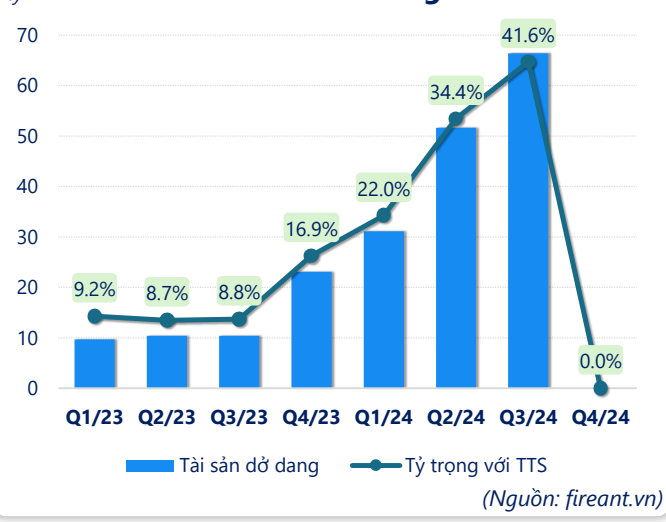
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



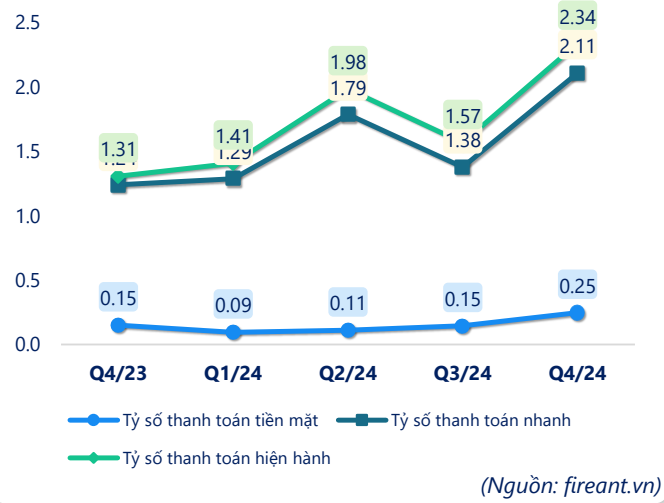
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



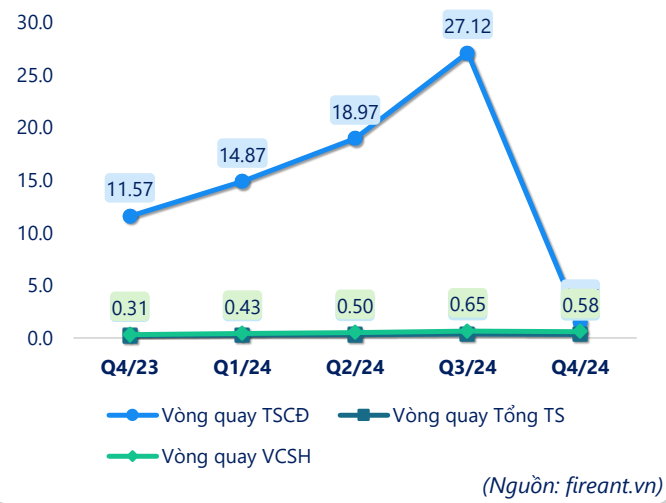
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**137**	**141**	**150**	**160**	**158**
Tài sản ngắn hạn	**54.7**	**51.7**	**48.3**	**43.1**	**53.4**
Tiền và tương đương tiền	6.27	3.47	2.67	3.99	5.65
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	43.9	42.9	37.5	29.4	39.0
Hàng tồn kho	2.79	4.39	4.81	5.21	5.23
Tài sản ngắn hạn khác	1.68	0.95	3.32	4.50	3.53
Tài sản dài hạn	**82.0**	**89.8**	**102**	**117**	**104**
Phải thu dài hạn	55.1	55.1	47.0	47.0	35.0
Tài sản cố định	2.09	1.84	1.68	1.47	67.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.1	31.1	51.6	66.4	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.98	0.98	0.98
Tài sản dài hạn khác	0.75	0.77	0.71	0.70	0.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**53.8**	**58.4**	**67.0**	**75.9**	**65.1**
Nợ ngắn hạn	**41.8**	**36.7**	**24.3**	**27.5**	**22.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.5	6.63	8.20	7.48	5.39
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	18.3	8.52	9.78	10.6
Nợ dài hạn	12.0	21.7	42.7	48.4	42.2
Vay và nợ thuê dài hạn	12.0	21.7	42.7	48.4	42.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**82.8**	**83.0**	**83.3**	**83.8**	**92.5**
Vốn chủ sở hữu	**82.8**	**83.0**	**83.3**	**83.8**	**92.5**
Vốn điều lệ	107	107	107	107	107
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)